BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
Số: 348 /QĐ-ĐHSPTDTTHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1774/BGDĐT-CSVC ngày 17/4/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản trị thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các bộ phận, đơn vị liên quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường tại Quyết định này để triển khai đề xuất mua sắm, tiếp nhận, quản lý máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Quản trị thiết bị, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KHTC, QTTB, VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
-----□□-----

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 348/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 20/5/2024 về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường ĐHSPTDTTHN)

Hà Nội, Năm 2024

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiểu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

- Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Căn cứ thông tư 03/2020/TT-BGDĐT về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp

- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐTĐHSPTDTTHN, ngày 20/04/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường;

- Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐT ngày 28/6/2021 về việc Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực các vị trí việc làm của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

- Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-ĐHSPTDTTHN-HĐT, ngày 28/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-ĐHSPTDTTHN-HĐT ngày 26/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030;

- Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 24/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025.

II. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

1. Giới thiệu tóm tắt quá trình hình thành và phát triển Trường

1.1. Lịch sử hình thành, phát triển Trường

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao (TDTT) Hà Nội thành lập ngày 27/02/1961, tiền thân là Trường Đại học Thể dục Thể thao, thuộc Bộ Giáo dục. Trường đã có nhiều lần được đổi tên gọi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ, đó là: Năm 1981, Trường được nâng cấp và đổi tên thành Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục - Nhạc -

Họa Trung ương; Năm 1985, Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1; năm 2003, tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng quyết định nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1 thành Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Tây và năm 2008, tại Quyết định số 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

Quá trình hình thành và phát triển, Trường là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam có nhiệm vụ đào tạo giáo viên TDTT trình độ đại học và sau đại học; Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên TDTT; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học giáo dục thể chất; Đào tạo Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp khu vực Hà Nội.

60 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đào tạo hàng chục nghìn giáo viên giáo dục thể chất, cán bộ TDTT trong nước và quốc tế; đào tạo hàng trăm nghìn sinh viên giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội; hoàn thành hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học, trong đó có nhiều công trình khoa học cấp nhà nước, cấp Bộ, công bố hàng trăm bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và trên thế giới, khẳng định uy tín, vị thế của trường đầu ngành về lĩnh vực giáo dục thể chất ở Việt Nam, được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân huy chương, cờ thi đua..

Thành tích đã đạt được

Huân chương

- Huân chương lao động hạng nhất ngày 11/10/2006, của Chủ tịch nước.

- Huân chương Độc lập hạng ba ngày 27/10/2016 của Chủ tịch nước.

Cờ thi đua

- Cờ thi đua của Chính phủ: Các năm 2015, 2021.

- Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Năm 2011, 2015

- Cờ thi đua của của CĐGDVN: Năm 2016.

- Cờ thi đua của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch: Năm 2021.

Bằng khen

- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Các năm 2011, 2012, 2014, 2015, 2017, 2019 và 2021.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: Các năm 2017, 2018, 2019, 2020.

- Bằng khen của Trung ương Hội TTĐH-CN Việt Nam: Các năm 2010, 2012

- Bằng khen của Bộ Quốc Phòng có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện công tác QP-AN (2001- 2010).

- Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội: Năm 2011.

- Bằng khen của UBND tỉnh Hòa Bình: Năm 2014.

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường

- Sứ mạng

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

- Tầm nhìn

Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

- Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Mô phạm - Sáng tạo - Phát triển.

- Triết lý giáo dục: Cùng nhau kiến tạo cơ hội.

1.3. Quy mô và định hướng đào tạo

Quy mô đào tạo của trường ở thời điểm hiện tại trên 2.000 sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo của Trường được thiết kế mở đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu đa dạng của người học và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao theo yêu cầu của xã hội về lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT theo các cấp độ từ bậc đào tạo đại học đến sau đại học (bao gồm thạc sỹ và tiến sỹ). Hiện ở bậc đại học trường đào tạo các chuyên ngành: Điền kinh; Thể dục; Bóng đá; Bóng chuyền; Bóng rổ; Bóng bàn; Cầu lông; Quần vợt; Đá cầu; Võ thuật; Bơi lội; Cờ vua; mở thêm ngành mới là: Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Đến nay, Trường tự hào là sở sở giáo dục uy tín nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục thể chất, TDTT, hàng năm Trường có 100% sinh viên tốt nghiệp có việc làm, trong đó có trên 95% sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng với chuyên ngành được đào tạo; hằng năm là đơn vị đăng cai nhiều giải thi đấu thể thao toàn quốc và khu vực, được các bộ ngành, tỉnh thành tin tưởng mời dàn dựng, đạo diễn tổ chức các chương trình đồng diễn, các sự kiện văn hóa, TDTT, hội thảo, hội nghị cấp quốc gia và khu vực…

Và cũng chính điều đó, uy tín vị thế của Nhà trường đã được thế giới công nhận thông qua việc thiết lập, tạo mối quan hệ với hầu hết các trường đại học, viện nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục thể chất, TDTT với triết lý giáo dục "cùng nhau kiến tạo cơ hội" cho sự nghiệp phát triển TDTT.

Các quy chế chủ yếu đã và đang áp dụng trong Trường:

- Quy chế đào tạo cho từng trình độ, loại hình, hệ đào tạo;

- Quy chế quản lý, đánh giá sinh viên;

- Quy chế quản lý hoạt động NCKH;

- Quy chế quản lý sử dụng tài sản công

- Các quy trình về quản lí. Sử dụng tài sản;

- Quy chế chi tiêu nội Bộ.

Định hướng đến năm 2030, Nhà trường phát triển ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển từ đào tạo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cụ thể:

+ Thành lập Khoa đào tạo golf.

+ Mở trường phổ thông năng khiếu.

+ Đào tạo chuyên sâu Y học thể thao trình độ đại học.

- Phát triển quy mô đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo:

+ Đào tạo từ 2.000 đến 3.000 học viên, sinh viên.

+ Đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh 90.000 học sinh, sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.

+ 100% môn học lý thuyết có thể đào tạo trực tuyến.

+ Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp.

+ Đảm bảo tỷ lệ 80%-90% SV có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm

+ Đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu cho các đơn vị, doanh nghiệp...

+ Mở mã ngành khác theo nhu cầu xã hội.

Ngoài ra tiến hành mở trường phổ thông thực hành năng khiếu TDTT; thành lập viện nghiên cứu ứng dụng TDTT, chăm sóc sức khỏe…

1.4. Hoạt động khoa học công nghệ

- Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của trường được nghiệm thu trong 5 năm: 108 đề tài, trong đó 05 đề tài cấp Bộ; 103 đề tài cấp trường.

- Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm. Tổng số tham gia là 118, trong đó tham gia đề tài cấp Bộ: 24; Tham gia đề tài cấp trường 94.

- Số lượng sách của trường được xuất bản trong 5 năm: 04 Sách giáo trình (Tỷ lệ sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 4/148 (2.7%).

- Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách trong 5 năm: Sách chuyên khảo 01, sách giáo trình 13.

- Số lượng bài báo khoa học của cán bộ cơ hữu được đăng tạp chí trong 5 năm.

- Tạp chí KH quốc tế 05, trong đó 01 bài danh mục Scopus.

- Tạp chí khoa học trong nước: 83 bài.

- Tỷ lệ bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 88/148 (59.46%.)

- Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu 5 năm gần đây: 6

- Tỷ lệ bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 66/148 (44.59%).

- Số lượng cán bộ cơ hữu của trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình và kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

+ Hội thảo quốc tế: 11.

+ Hội thảo trong nước 08.

+ Hội thảo của trường 24.

- Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

+ Đề tài cấp Bộ 01, Đề tài cấp trường 91.

+ Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo (cấp toàn quốc) 17.

+ Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo (cấp Trường) 25.

+ Số bài báo được đăng, công trình được công bố: 56

- Chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực TDTT từ 2 đến 3 sản phẩm cho cộng đồng.

1.5. Hoạt động hợp tác quốc tế

Giai đoạn từ 2018 - 2023, Trường có quan hệ hợp tác với 05 đối tác về đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo. Hàng năm Đào tạo từ 15 đến 20 lưu học sinh; Bồi dưỡng: 30 đến 40 học viên; Tổ chức từ 2 đến 3 đoàn giao lưu và thi đấu TDTT ngoài nước; Cử 2 đến 3 người đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngoài nước và Cử 3 đến 5 đoàn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Bên cạnh thường xuyên giữ mối quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo CB, GV trình độ tiến sỹ, thạc sỹ chuyên ngành TDTT, giai đoạn 2015-2022, Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác thỏa thuận gồm:

- Năm 2018: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 05.

- Năm 2019: Số lượng đoàn ra 05; Số lượng đoàn vào 04.

- Năm 2020: Số lượng đoàn ra 03; Số lượng đoàn vào 01.

- Năm 2021: Số lượng đoàn ra 06; Số lượng đoàn vào 01.

- Năm 2022: Số lượng đoàn ra 03; Số lượng đoàn vào 03.

1.6. Hoạt động kiểm định chất lượng

Về kiểm định cơ sở giáo dục: Năm 2021, Trường được công nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Đang triển khai đánh giá đạt chuẩn kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia 02 chương trình đào tạo.

- Hoàn thiện các quy trình kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài và đang thực hiện đánh giá giữa chu kỳ kiểm định

1.7. Về công tác bồi dưỡng

Từ năm 2015 đến nay trung bình mỗi năm mở từ 4-5 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác huấn luyện thể thao; lớp nghiệp vụ công tác đoàn, đội; mở 10 khóa bồi dưỡng giảng dạy bơi lội và cứu đuối; 02 khóa bồi dưỡng cho 32 cán bộ, giảng viên nước bạn Lào; 10 khóa bồi dưỡng trại hè kỹ năng cho học sinh.

1.8. Việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát việc làm của sinh viên và công khai kết quả khảo sát lên website của Trường theo quy định. Theo kết quả khảo sát việc làm từ năm 2017 đến nay cho thấy, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng luôn cao hơn 80% và tăng lên hằng năm. Đợt khảo sát năm học 2020 - 2021 tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt 85,1%.

1.9. Về kết nối và phục vụ cộng đồng

- Ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn: từ 500 đến 800 triệu đồng.

- Bảo tồn, phát huy giá trị cộng đồng thông qua các hoạt động đào tạo phù hợp loại hình đào tạo của trường; Mở từ 4 đến 6 lớp đào tạo miễn phí bơi lội cho trẻ em, các đối tượng chính sách.

- Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng.

- Tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương.

1.10. Cơ cấu tổ chức bộ máy, đội ngũ nhà giáo

- Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội gồm có: Đảng ủy; Hội đồng trường; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn.

- Các đơn vị trực thuộc BGH: Gồm 22 đơn vị, trong đó: 07 Phòng, 10 Khoa; 03 Trung tâm, 01 Viện và 01 tạp chí khoa học GDTC và Thể thao trường học. Các đơn vị thuộc khoa, trung tâm, viện gồm 16 Bộ môn; 01 phòng nghiên cứu Giáo dục Thể chất Y học TDTT và 01 trạm Y tế. Nhiệm vụ chính của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là đào tạo nguồn nhân lực cán bộ thể chất có chất lượng trong nền kinh tế tri thức vì lợi ích cộng đồng và xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện để cạnh tranh với những cơ sở đào tạo có uy tín cùng lĩnh vực trong nước, từng bước tiếp cận với chất lượng của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Tính đến thời điểm 2023, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội có tổng số 229 cán bộ, giảng viên. Trong đó: Phó Giáo sư: 03; Tiến sĩ: 22; Thạc sĩ 111; NCS: 2; đại học và trình độ khác 68 và 23 sỹ quan biệt phái. Trình độ đội ngũ Nhà trường được thể theo

bảng sau:

- Các đơn vị trực thuộc khoa, trung tâm, viện gồm 16 Bộ môn; 01 phòng và 01 trạm Y tế.

- Các phòng, khoa trực thuộc Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo cơ cấu quy định tại Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDDT-BLDTBXH ngày 05/11/2015.

Bảng 1. Trình độ đội ngũ viên chức, giảng viên của Trường

TT	NỘI DUNG	Trình độ					
		Giáo sư	Phó Giáo sư	TSKH, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đang học NCS	ĐH và trình độ khác
1	Khối Giảng viên	0	3	22	99	2	8
2	Khối Hành chính	0	0	0	12	0	60
TỔNG CỘNG		**0**	**3**	**22**	**111**	**2**	**68**

1.11. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo

Hiện Trường sở hữu cơ sở vật chất gồm khu học tập, nghiên cứu và làm việc được đầu tư xây dựng với tổng diện tích 14.377 m2 tại huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội. Hằng năm, Nhà trường luôn quan tâm và tiếp tục đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thư viện nhằm đảm bảo chất lượng cho hoạt động giáo dục và đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn quan tâm đến việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các trang thiết bị trong toàn Trường, đặc biệt các thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học luôn được đáp ứng kịp thời, đảm bảo việc dạy và học được hiệu quả.

Bảng 2: Hiện trạng các công trình trực tiếp phục vụ công tác đào tạo

TT	Công trình	Diện tích xây dựng hiện trạng (m2)	Diện tích sàn hiện trạng (m2)	Mục đích sử dụng	Hiện trạng
1.	Giảng đường D1	550	792	Phòng học	Đang sử dụng
2.	Giảng đường 4 tầng	1.050	3.703	Phòng học	Đang sử dụng
3.	Thư viện	650	1.152	Thư viện, trung tâm học liệu	Đang sử dụng
4.	Nhà học lý thuyết 5 tầng	800	4.000	Giảng đường TTGDQP&AN	Đang sử dụng
5.	Nhà ăn sinh viên	1.500	2.592	Dịch vụ	Đang sử dụng

6.	Ký túc xá sinh viên C1	652	1.478	SV ở nội trú	Đang sử dụng
7.	Ký túc xá sinh viên C2	652	1.647	SV ở nội trú	Đang sử dụng
8.	Ký túc xá sinh viên C3	652	1.647	SV ở nội trú	Đang sử dụng
9.	Ký túc xá sinh viên C4	652	2.204	SV ở nội trú	Đang sử dụng
10.	Ký túc xá sinh viên C5	652	2.204	SV ở nội trú	Đang sử dụng
11.	Ký túc xá sinh viên C6	652	1.647	SV ở nội trú	Đang sử dụng
12.	Ký túc xá sinh viên C7	652	2.745	SV ở nội trú	Đang sử dụng
13.	Ký túc xá sinh viên C8	652	3.100	SV ở nội trú	Đang sử dụng
14.	Ký túc xá sinh viên C9	652	3.100	SV ở nội trú	Đang sử dụng
15.	Bể bơi 10 đường bơi, có khán đài, nhà điều hành	3540	3540	Thực hành bơi lội	Đang sử dụng
16.	Nhà tập thể thao đa năng	1.392	1.253	Luyện tập thực hành	Đang sử dụng
17.	Nhà thi đấu thể thao đa năng	3.350	3.200	Luyện tập thực hành	Đang sử dụng
18.	Nhà thí nghiệm thể chất	750	1.400	Thực hành, thực nghiệm	Đang sử dụng
19.	Trạm Y tế	550	1.650		Đang sử dụng
20.	Sân điền kinh	6.500	6.500	Luyện tập thực hành	Đang sử dụng
21.	Sân bóng đá	10.800	10.800		Đang sử dụng
22.	Sân bóng rổ 1	820	820		Đang sử dụng
23.	Sân bóng rổ 2	820	820		Đang sử dụng
24.	Sân quần vợt 1	520	520		Đang sử dụng
25.	Sân quần vợt 2	520	520		Đang sử dụng
26.	Sân bóng ném	1.300	1.300		Đang sử dụng
27.	Sân bóng chuyền số1	450	450		Đang sử dụng
28.	Sân bóng chuyền số2	450	450		Đang sử dụng

29.	Nhà máy cấp nước sạch	900	900		Đang sử dụng
30.	Sân bóng chuyền mới số1	450	450		Đang sử dụng
31.	Sân bóng chuyền mới số2	450	450		Đang sử dụng
32.	Sân bóng chuyền mới số3	450	450		Đang sử dụng
33.	Sân bóng chuyền mới số4	450	450		Đang sử dụng
34.	Sân bóng chuyền mới số5	450	450		Đang sử dụng
35.	Nhà điều hành trung tâm (9 tầng)	600	4.940	Nhà làm việc, Văn phòng khoa	Đang sử dụng
36.	Hội trường A	320	320	Hội họp, tập trung	Đang sử dụng

2. Định hướng phát triển Trường giai đoạn 2023-2030

Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng, đủ sức giải quyết những vấn đề mang tầm quốc gia và thời đại, chủ động tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập quốc tế, có những đóng góp thiết thực - bằng cả lý luận và thực tiễn - phục vụ đắc lực sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Với giá trị cốt lõi: "Chất lượng - Mô phạm - Sáng tạo - Bền vững" trong vận hành và phát triển, giai đoạn 2025 Nhà trường cơ bản hoàn thành các mục tiêu như: 100% đội ngũ giảng viên đạt chuẩn, với 03 phó giáo sư; trên 25 tiến sĩ; 05 giảng viên cao cấp; 70 giảng viên chính; trên 10 trọng tài quốc gia, quốc tế.

Chức năng và nhiệm vụ của Trường được thể hiện trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, cụ thể:

- Phát triển Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục thể chất ở Việt Nam;

- Chú trọng đào tạo nguồn cán bộ thể dục – thể thao có chất lượng trong nền kinh tế tri thức vì lợi ích cộng đồng và xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện để cạnh tranh với những cơ sở đào tạo có uy tín cùng lĩnh vực trong nước, từng bước tiếp cận với chất lượng của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; Chủ động mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để nâng cao hình ảnh, uy tín của Trường;

- Xây dựng đội ngũ cán Bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và cán Bộ quản lý đạt

chuẩn về chất lượng, đồng Bộ về cơ cấu để có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong thời kì mới. Phấn đấu đến 2025 tầm nhìn 2030, 100% giảng viên đạt trình độ sau đại học, có trên 50 tiến sĩ;

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học với hệ thống giảng đường, thư viện và hệ thống các dịch vụ cung cấp cho sinh viên có chất lượng cao.

3. Mục tiêu phát triển của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

3.1 Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà trường, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tốt việc đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có uy tín về giáo dục thể chất, TDTT; đến năm 2030 trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng...

3.2. Mục tiêu cụ thể:

3.2.1. Về đào tạo

- Phát triển ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển từ đào tạo theo năng lực của trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cụ thể:

+ Mở mã ngành đào tạo tiến sĩ ngành Giáo dục học.

+ Mở mã ngành giáo dục quốc phòng và an ninh.

+ Mở mã ngành khác theo nhu cầu xã hội.

+ Mở trường phổ thông năng khiếu.

+ Đào tạo chuyên sâu Y học thể thao trình độ đại học.

- Phát triển quy mô đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo:

+ Đào tạo từ 2.000 đến 3000 học viên, sinh viên.

+ Đào tạo giáo dục quốc phòng - an ninh 90.000 học sinh, sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.

+ 100% môn học lý thuyết có thể đào tạo trực tuyến.

+ Đảm bảo đạt tỷ lệ 95% SV tốt nghiệp.

+ Đảm bảo tỷ lệ 80%-90% SV có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm

+ Đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu cho các đơn vị, doanh nghiệp...

3.2.2. Về Khoa học – Công nghệ:

- Triển khai 50 đến 60 đề tài cấp cơ sở.

- Triển khai 08 đến 10 đề tài cấp Bộ.

- Có 15 đến 20 bài báo khoa học quốc tế.

- 100 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí.

- 06 đến 10 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đoạt giải toàn quốc khối các trường TDTT.

- Tổ chức 05 hội nghị khoa học quốc tế.

- Triển khai đảm bảo 95% -100% giáo trình.

- Mỗi năm công bố 1 đến 2 cuốn sách chuyên khảo.

- Duy trì, phát triển Tạp chí GDTC&TTTH.

- Sản phẩm khoa học đăng ký sở hữu trí tuệ và các nghiên cứu có giá trị

3.2.3. Về đảm bảo chất lượng

- 02 chương trình đào tạo được đánh giá đạt chuẩn kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia: kiểm định ngoài theo tiêu chuẩn quốc gia theo chu kỳ 5 năm/lần.

- Hoàn thiện các quy trình kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài.

- Cử đi học tập, bồi dưỡng cấp chứng chỉ kiểm định viên từ 3 đến 5 người.

** Về phát triển đội ngũ*

- Tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10 đến 15.

- Giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 25%.

- 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh.

- Hoàn thiện đề án cơ cấu vị trí việc làm và tổ chức triển khai quản lý đạt chuẩn theo vị trí việc làm.

- Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ: Từ 10 đến 15 người; Cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ 05 đến 10 người; Cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 03 đến 05 người; Cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: từ 300 đến 350 lượt.

3.2.4. Về nguồn lực tài chính

- Thực hiện lộ trình tự chủ của nhà trường theo quy định của Nhà nước đến năm 2025 tự chủ tài chính khoảng 40%.

- Đảm bảo nguồn thu ngoài ngân sách từ 5,0 đến 7,0 tỷ/5 năm.

3.2.5. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy mô phát triển của nhà trường đạt chuẩn. Cụ thể:

- Có đầy phòng học, sân bãi, nhà tập, nhà thi đấu đa năng... đáp ứng quy mô đào tạo.

- Đầu tư thêm 01 đến 02 nhà thể thao đa năng đạt tiêu chuẩn học tập và thi đấu đáp ứng nhu cầu các môn thể thao trong nhà.

- Sửa chữa, trang bị, nâng cấp sân tập, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ phục vụ học tập khang trang, hiện đại và đồng bộ.

- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, cảnh quan, môi trường.

- Sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên.

- Đầu tư CSVC, thiết bị, công nghệ thông tin, phần mềm... thực hiện chuyển đổi số theo lộ trình của chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống CSVC như: Phòng ngoại ngữ; tin học, phòng LAP, thực tế ảo; phòng 3D, trường quay, các phòng đa năng; phòng trực tuyến; phòng họp, hội trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và làm việc.

- Sửa chữa, nâng cấp, bảo trì hệ thống sân tập, nhà tập; mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ học tập.

4. Công tác đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Công tác đào tạo là xương sống của sự phát triển Nhà trường vì vậy lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm, tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật cũng như các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác tuyển sinh được Trường triển khai thực hiện theo quy trình đồng bộ và công khai minh bạch; Bên cạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh của Trường ra cộng đồng, Nhà trường còn tổ chức các đợt tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT nhằm giúp các em học sinh có thể hiểu hơn về Trường, tư vấn và tạo cơ hội cho thí sinh lựa chọn ngành nghề đúng đắn và theo sở thích và nhu cầu; tổ chức các hoạt động tư vấn online thu hút được nhiều sinh viên từ các tỉnh khu vực miền Trung trở ra các tỉnh miền Bắc theo học, trong đó có nhiều vận động viên là đội tuyển Quốc gia. Công tác tuyển sinh hàng năm đều thực hiện đúng theo quy định và theo đúng chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức triển khai công tác đào tạo theo đúng tinh thần Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tập trung đa dạng hóa phương thức đào tạo, cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo năm học; Kế hoạch giảng dạy và học tập của năm học; tiến hành cập nhật các chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung theo chu kỳ 2 năm 1 lần; ban hành đầy đủ các quy định công tác đào tạo; triển khai cải tiến công tác quản lý đào tạo, tổ chức dạy và học theo tín chỉ; thực hiện và quản lý chương trình đào tạo bảo đảm chất lượng theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học. Trong các năm tiếp theo, bên cạnh công tác tuyển sinh các ngành và lĩnh vực đã tuyển

năm học trước Nhà trường sẽ tích cực tuyển thêm mã ngành huấn luyện thể thao, triển khai việc mở trường phổ thông năng khiếu, đào tạo môn gofl... Dự kiến quy mô Đào tạo đến năm 2030 là 3000 sinh viên. Tổ chức đào tạo theo 2 hình thức: Đào tạo chính quy, Đào tạo vừa làm vừa học. Kết hợp giảng dạy lý thuyết có bài giảng và tài liệu học tập Eleaning với thực hành có video hướng dẫn; có phòng mô phỏng động tác, kỹ thuật thực hành...

Bảng 3. Quy mô đào tạo giai đoạn 2018 – 2021 và dự kiến quy mô đào tạo giai đoạn 2022 – 2025 tầm nhìn 2030

Nội dung (trình độ) đào tạo	Quy mô đào tạo đến 2021					
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Trình độ Đại học ngành GDTC	1576	1098	1101	1704	2014	2200
2. Trình độ SĐH						
- Thạc sĩ	106	105	112	125	115	115
- Tiến sĩ	0	0	0	0	4	6
3. Ngành huấn luyện thể thao	0	0	0	0	0	0
4. Ngành GDQP&AN (mở mới 2022)	0	0	0	0	0	80
5. Trường phổ thông năng khiếu (dự kiến tuyển 2025)	0	0	0	0	0	**0**
Tổng số	**1682**	**1203**	**1213**	**1829**	**2133**	**2401**

Nội dung (trình độ) đào tạo	Dự kiến quy mô đến 2030							
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1. Trình độ Đại học ngành GDTC	2230	2250	2300	2300	2350	2350	2400	2500
2. Trình độ SĐH								
- Thạc sĩ	115	115	115	115	120	120	120	130
- Tiến sĩ	6	6	6	6	8	8	8	10
3. Ngành huấn luyện thể thao	0	0	30	50	60	60	70	90
4. Ngành GDQP&AN (mở mới 2022)	80	100	100	100	120	120	130	150
5. Trường phổ thông năng khiếu (dự kiến tuyển 2025)	**0**	0	50	50	70	90	110	120
Tổng số	**2431**	**2471**	**2601**	**2601**	**2728**	**2748**	**2838**	**3000**

5. Về Công nghệ thông tin

Hiện nay, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư dự án "Tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu cho Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội". (dự án chuyển đổi số- hoàn thành trong năm 2023). Với tổng mức đầu tư trên 20 tỷ, hiện đang lắp đặt thiết bị và triển viết các phần mềm. Khi hoàn thành không ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác đào tạo giảng dạy, mà còn ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Các Phòng, Ban chuyên môn đều đã sử dụng phần mềm để hỗ trợ nghiệp vụ của mình tích hợp liên thông dữ liệu, quản lý thống nhất toàn trường.

Đến năm 2030, Trường triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ 4.0 vào tất cả các hoạt động dạy học; xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động của Nhà trường; đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của hệ thống giáo dục đại học; nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong Trường. Số hóa nguồn học liệu, liên kết, chia sẻ học liệu và hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo với nhiều trường đại học trong và ngoài nước.

6. Về môi trường và điều kiện học tập và kết nối phục vụ cộng đồng

- Thành lập Ban quản lý KTX, Nnâng cấp KTX đạt yêu cầu về ăn, ở của sinh viên trên cơ sở tự chủ về nguồn thu-chi.

- Quy hoạch các dịch vụ đáp ứng nhu cầu phục vụ người học

- Chuyển giao từ 3-5 công trình, đề tài nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao cho trường phổ thông

Đến năm 2030, trong các chương trình đào tạo của Trường đảm bảo 100% các tiêu chuẩn có liên quan đến kết nối và phục vụ cộng đồng được đánh giá đạt theo chuẩn kiểm định quốc gia các hoạt động hỗ trợ người học như: Tư vấn Tâm lý - Sức khỏe; tư vấn Văn hóa - Du lịch;Ttư vấn Sáng tạo - Khởi nghiệp; Tư vấn Giáo dục và phát triển nghề nghiệp; Đáp ứng 100% doanh nghiệp có nhu cầu tham gia "Ngày hội việc làm", "Chương trình kết nối để thành công", "Tuần lễ vàng tuyển dụng", "Chương trình giao lưu, tuyển dụng",... Hỗ trợ 100% doanh nghiệp (phù hợp) đăng tin tuyển dụng, việc làm, thực tập trên website, fanpage,...;

7. Tần suất khai thác, sử dụng thiết bị

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Trường đại học công lập) có nhiều khác biệt so với các trường đại học công lập khác. Sự khác biệt ấy không chỉ thể hiện trong công tác quản lý mà còn cả trong công tác giảng dạy, đào tạo như: trường đạo tạo giáo viên giáo dục thể chất cho nên không chỉ có nhu cầu về phòng học lý thuyết mà nhu cầu về sân

tập hoặc thiết bị tập luyện thể dục thể thao cũng sẽ cao hơn nhiều so với các trường khác, do không chỉ có nhu cầu trong lĩnh vực tập luyện trường còn thường xuyên tham gia các giải thi đấu cho nên định mức sử dụng sân tập, máy móc, thiết bị của nhà trường cũng cao hơn rất nhiều so với các trường đại học khác…Bên cạnh những khác biệt như vậy nhưng nhà trường vẫn thực hiện tốt công tác quản lý. Số lượng và chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị luôn được quan tâm đảm bảo phục vụ tốt công tác giảng dạy đào tạo và quản lý. Hàng năm, trường vẫn thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ về cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo công tác bảo quản, rà soát nhu cầu của các đơn vị để thực hiện việc mua sắm và sử dụng cho năm học mới. Việc theo dõi quá trình học tập, tập luyện, thi đấu của sinh viên, người học và nghiên cứu sinh được phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, khoa và các cán bộ có liên quan.

Hầu hết các sân tập, trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy, thực hành đã qua thời gian sử dụng rất lâu và tần suất sử dụng lớn. Do đó sự xuống cấp của các thiết bị là điều tất yếu và điều này ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Mặt khác, xét về khía cạnh kinh tế thì các thiết bị này đã trừ gần hết khấu hao. Bên cạnh đó, mức độ cạnh tranh giữa cácc trường tư thục và xu hướng quốc tế hóa thúc đẩy các sân tập, trang thiết bị thực hành cần được đầu tư thêm, nâng cấp theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu của người học.

III. ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Trong năm 2022, Nhà trường đã thực hiện ban hành tiêu chuẩn định mức thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực công nghệ thông tin sau khi có ý kiến thẩm định của Vụ cơ sở vật chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện dự án chuyển đổi số góp phần nâng cao chất lượng quản trị đại học và đáp ứng xu hướng chuyển đổi số 4.0 do vậy trong bản đề xuất này Nhà trường không đề xuất tiêu chuẩn định mức thiết bị chuyên dùng cho lĩnh vực công nghệ thông tin. Định mức tiêu chuẩn thiết bị chuyên dùng cho lĩnh vực công nghệ thông tin đã được ban hành là một phần không thể tách rời trong định mức thiết bị chuyên dùng của Nhà trường.

1. ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG DÙNG CHUNG

Tt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng	Ghi chú
1	**Hội trường làm việc 350 chỗ (1 hội trường)**				
	Bàn làm việc dài	Cái	6	6	
	Hệ thống âm thanh	Hệ thống	1	1	
	Màn hình Led	Cái	1	1	

Tt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng	Ghi chú
	Máy chiếu	Bộ	1	1	
	Mic không dây	Cái	4	4	
	Bàn ghế hội trường	Cái	350	350	
	Hệ thống điều hòa	Hệ thống	1	1	
2	**Phòng họp thường (2 phòng)**				
	Máy chiếu	Bộ	2	2	
	Tivi 85 inch	Cái	1	1	
	Tivi 55 inch	Cái	1	1	
	Webcam	Cái	2	2	
	Âm ly	Cái	2	2	
	Loa treo tường	Cái	4	4	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	2	
	Bàn vi tính	Cái	2	2	
	Bàn họp quây tròn lớn	Cái	2	2	
	Bàn (2 người)	Cái	12	12	
	Hệ thống Toa	Hệ thống	2	2	
	Mic không dây	Cái	2	2	
	Bục tượng bác	Cái	2	2	
	Kệ phát biểu	Cái	2	2	
	Cây nước nóng, lạnh	Cái	2	2	
	Điều hòa	Bộ	2	2	
	Tủ lạnh	Cái	2	2	
3	**Phòng truyền thống (1 phòng)**				
	Tủ gỗ trưng bày có kính	Cái	6	6	
	Kệ/tủ gỗ đựng tài liệu	Cái	1	1	
	Sa bàn	Cái	4	4	
	Máy hút ẩm	Cái	1	0	
	Máy chiếu	Cái	1	0	
	Máy vi tính cấu hình cao lưu trữ hình ảnh, thông tin truyền thống, trình chiếu	Bộ	1	0	
4	**Nhà thi đấu đa năng (1 nhà)**				
	Trải sàn thi đấu	m2	1500	1500	
	Loa điều hành	Cái	8	8	
	Mixer	Cái	1	1	
	Micro không dây (đầu thu có 2 tay mic)	Bộ	2	2	
	Máy tính (Bao *gồm CPU, màn hình, bàn phím, chuột)*	Bộ	1	1	
	Bộ cột bóng rổ	Bộ	2	2	

Tt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng	Ghi chú
	Hệ thống chiếu sáng (đèn chống chói đạt tiêu chuẩn thi đấu)	Cái	36	36	
	Cầu thăng bằng	Cái	4	4	
	Xà đơn thi đấu	Cái	2	2	
	Xà kép luyện tập	Cái	2	2	
	Xà lệch luyện tập	Cái	1	1	
	Tay xà đơn	Cái	1	1	
	Tay xà kép	Cái	6	6	
	Máy bơm bóng	Cái	1	1	
	Ghế khán giả	Cái	1,334	1,334	
	Bàn ghế chờ	Bộ	10	10	
5	**Nhà tập thể thao (1 nhà)**				
	Hệ thống chiếu sáng (đèn chống chói đạt tiêu chuẩn thi đấu)	Cái	36	36	
	Quạt đứng công nghiệp	**Cái**	13	13	
6	**Sân điền kinh (4 sân)**				
	Đèn chiếu sáng 400w	Cái	4	4	
7	**Sân bóng đá (1 sân to, 2 sân nhỡ, 4 sân nhỏ)**				
	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn chiếu led, dây điện, cột đèn).	HT	1	1	
	Cọc bổ trợ môn bóng đá	Chiếc	20	20	
8	Sân tennis (QV) **(3 sân)**				
	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn dây điện, cột đèn).	HT	5	5	
	Bộ cột, lưới tennis	Bộ	3	3	
	Ghế trọng tài	Cái	6	6	
9	**Sân bóng rổ (2 sân)**				
	Hệ thống chiếu sáng (*tủ điện điều khiển, dàn đèn chiếu, dây điện, cột đèn).*	HT	2	2	
	Cột bóng rổ	Bộ	2	2	
10	**Sân bóng chuyền (5 *sân*)**				
	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, đèn cao áp, dây điện, cột đèn).	HT	5	5	
	Bộ cột, lưới bóng chuyền	Bộ	5	5	
	Dụng cụ gạt nước sân	Cái	5	5	
11	**Bể bơi (1 bể bơi có mái che)**				
	Hệ thống chiếu sáng (tủ điện điều khiển, dàn đèn, dây điện, cột đèn).	HT	1	1	

Tt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng	Ghi chú
	Máy châm hoá chất tự *động*	Cái	2	2	
	Máy hút đáy bể bơi + dây hút	Bộ	2	2	
	Máy bơm đẩy 5.5 Kw	Cái	4	4	
	Bình lọc công nghiệp 8m^3-10 m^3	Bộ	4	4	
	Ghế khán đài	Cái	300	300	
	Loa nén điều *hành*	Cái	2	2	
	Âm ly	Cái	1	1	
	Bàn, ghế chờ	Bộ	5	5	
	Tủ đựng đồ (Tủ sắt 6 – 8 ngăn)	Chiếc	5	5	
	Phao chia làn	Chiếc	10	10	
	Guồng cuốn dây phao	Cái	4	4	
	Áo phao	Chiếc	40	40	
12	**Phòng tập thể lực (1 phòng)**				
	Tạ gánh Jinling	Bộ	24	24	
	Máy tập tạ 113	Cái	10	10	
	Máy tập tạ 202	Cái	1	1	
	Máy tập tạ 608	Cái	1	1	
	Máy tập bụng 210	Cái	1	1	
	Máy tập căng chân 620S	Cái	1	1	
	Máy tập chạy có màn hình 932i	Cái	1	1	
	Máy tập đùi 602B	Cái	1	1	
	Máy tập lưng 304	Cái	1	1	
	Máy tập lưng 504	Cái	1	1	
	Máy tập lưng 712	Cái	1	1	
	Máy tập tạ 407B	Cái	1	1	
	Máy tập vai và tay FT444	Cái	1	1	
	Máy tập vai và tay FT555	Cái	1	1	
13	**Nhà làm việc 9 tầng (1 tòa)**				
	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Hệ thống	1	1	
	Thang máy	Cái	2	2	
14	**Nhà khách (10 phòng)**				
	Điều hòa	Cái	10	10	
	Tivi	Cái	10	10	
	Giường	Cái	10	10	
	Bàn ghế uống nước	Bộ	10	10	
	Đệm, ga, chăn, chiếu, màn	Bộ	10	10	
	Bình tắm nóng lạnh	Cái	10	0	
	Cây nước nóng lạnh	Cái	10	0	
	Tủ lạnh	Cái	10	10	
	Tủ đựng quần áo	Cái	10	10	

Tt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng	Ghi chú
	Ấm điện	Cái	10	10	
15	**Phòng phát thanh Sinh viên (1 phòng)**				
	Hệ thống loa phát thanh (Loa nén)	Cái	6	6	
	Âm ly	Cái	1	1	
	Bộ thu phát các chương trình AM; FM	Bộ	1	1	
	Bàn, ghế	Bộ	1	1	
16	**Phòng KTX sinh viên Lào**				
	Giường	Cái	15	15	
	Đệm, ga, chăn, chiếu, màn	Bộ	15	15	
	Bình tắm nóng lạnh	Cái	15	0	
	Cây nước nóng lạnh	Cái	15	0	
	Tủ lạnh	Cái	15	11	
	Tủ đựng quần áo	Cái	15	12	
17	**Phòng KTX sinh viên (C1-C9: 240 phòng)**				
	Giường	Cái	960	960	
	Đệm, ga, chăn, chiếu, màn	Bộ	960	960	

2. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG CÁC KHOA, BỘ MÔN, TRUNG TÂM THUỘC TRƯỜNG

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	**Phục vụ chung các Khoa (10 khoa)**			
	Máy phô tô	Cái	05	
	Máy in bằng	Cái	01	
	Máy hút ẩm	Cái	10	
	Máy tiêu hủy tài liệu	Cái	10	
	Tủ sắt có khóa số	Cái	10	
	Màn hình theo dõi camera các phòng học	Hệ thống	01	
	Giá/Kệ sắt để lưu trữ bài thi, hồ sơ sinh viên	Hệ thống	10	
	Máy in màu (in chứng chỉ, in giấy mời hội thảo,...)	Cái	02	
	Máy ảnh (phục vụ tổ chức văn nghệ sinh viên, hội thảo khoa học)	Cái	02	
	Máy quay phim (phục vụ tổ chức văn nghệ sinh viên, hội thảo khoa học)	Cái	02	
	Máy phiên dịch (phục vụ nghiên cứu khoa học)	Cái	01	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Hệ thống đo lường công năng tim mạch, hô hấp, trao đổi năng lượng trong vận động ở phòng thí nghiệm và các bài tập thể thao chuyên môn đo lường vô tuyến	Hệ thống	01	
	Thiết bị dự báo chiều cao thân thể và đo độ loãng xương	Cái	01	
	Hệ thống phân tích kỹ thuật chuyển động thể thao 3D (SIMI MOTION)	Hệ thống	01	
2	**Phục vụ thư viện**			
	Máy hút ẩm	Cái	01	
	Xe đẩy sách	Cái	02	
	Máy hút bụi	Cái	01	
	Bàn đọc đôi	Cái	40	
	Máy vi tính để bàn tra cứu tài liệu	Bộ	05	
	Ghế chân quỳ/ghế gấp dùng cho bàn đọc	Cái	80	
	Giá sách sắt	Cái	48	
	Tủ trưng bày sách có kính	Cái	06	
	Tủ mục lục chữ cái	Cái	02	
3	**Khoa CL-BB-QV**			
	Thảm tập luyện CL	Cái	06	
	Cột lưới CL	Cái	24	
	Bàn bóng bàn	Cái	12	
	Máy bắn bóng BB	Cái	01	
	Máy bắn bóng CL	Cái	01	
	Bảng lật số	Cái	05	
	Dụng cụ gạt nước sân	Cái	05	
4	**Khoa BC-BĐ-BR**			
4.1	*Môn bóng đá*			
	Nấm tập bóng đá	cái	50	
	Cọc dẫn bóng	cái	20	
	Cột cờ góc	Bộ	01	
	Hàng rào chiến thuật	Cái	05	
	Cờ trọng tài biên	Bộ	01	
	Bảng điểm	cái	01	
	Bảng thông báo giờ điện tử	Cái	04	
4.2	*Môn bóng chuyền*			

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Lưới bóng chuyền	cái	10	
	Ăng ten	Bộ	05	
	Ghạt nước	Cái	02	
	Bảng điểm	cái	01	
4.3	*Môn bóng rổ*			
	Cột dẫn bóng	cái	10	
	Bảng điểm điện tử	cái	01	
5	**Bộ Môn golf**			
5.1	*Phòng thực hành trong nhà (3 phòng)*			
	Máy tính cấu hình cao (chạy phần mềm chuyên dụng của môn golf)	Bộ	03	
	Hệ thống cảm biến sensor	Bộ	03	
	Màn hình chuyên dụng 2 lớp 3mx4m	Bộ	03	
	Máy chiếu chuyên dụng cho 3D	Bộ	03	
	Camera ghi hình	Bộ	03	
	Bàn vi tính	Bộ	03	
	Thảm nỉ nót nền	Bộ	01	
	Thảm phát bóng	Bộ	03	
	Bóng chơi golf	Quả	500	
	Thảm cỏ chơi golf	M2	30	
	Cỏ viền ngoài	M2	30	
	Mút xốp đệm dưới	M2	30	
	Hố cờ đế cao 1.3 cm	M2	30	
	Hồng tâm chịu lực 1.5x1.5	cái	45	
	Khay cao su	Cái	25	
	Thảm tập swing 1.5mx1.5m	Bộ	25	
5.2	*Sân tập golf ngoài trời*			
	Lưới chắn bóng	M^2	1800	
	Thảm nỉ nót nền	Bộ	01	
	Thảm phát bóng	Bộ	03	
	Bóng chơi golf	Quả	500	
	Thảm cỏ chơi golf	M2	30	
	Cỏ viền ngoài	M2	30	
	Mút xốp đệm dưới	M2	30	
	Hố cờ đế cao 1.3 cm	M2	30	
	Hồng tâm chịu lực 1.5x1.5	cái	45	
	Khay cao su	Cái	25	
	Thảm tập swing 1.5mx1.5m	Bộ	25	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	**Khoa Sau đại học**			
	Máy in văn bằng chứng chỉ	Cái	01	
	Máy phô tô	Cái	01	
	Cây nước nóng lạnh	Cái	01	
	Máy hủy tài liệu	Cái	01	
6.1	*Phòng học (2 phòng quy mô 40 người/phòng)*			
	Máy chiếu phục vụ giảng dạy	Bộ	02	
	Bảng treo tường	Cái	02	
	Bàn ghế Giảng viên	Bộ	02	
	Bàn ghế học viên	Bộ	40	
	Máy vi tính *(Bao gồm: bàn máy vi tính, máy vi tính đồng bộ)*	Bộ	02	
	Hệ thống âm thanh (âm ly, tủ bắt tín hiệu, loa treo tường)	Hệ thống	02	
	Míc không dây	Cái	02	
6.2	*Phòng bảo vệ luận văn/luận án (2 phòng quy mô 30 - 40 chỗ ngồi/phòng)*			
	Máy chiếu, màn chiếu hoặc màn hình Led	Bộ	01	
	Bàn ghế (1 bàn 2 ghế)	Bộ	30	
	Bàn ghế họp hội đồng	Bộ	02	
	Bục phát biểu (bao gồm: hoa, mic để bàn, bục, kệ)	Cái	01	
	Bục tượng bác (Kệ, tượng bác), Đảng	Bộ	01	
	Máy vi tính để bàn hoặc máy laptop	Cái	01	
7	**Khoa Điền kinh – Thể dục**			
	Phòng gương học Dansport	Cái	01	
	Thảm tập Aerobic	Cái	01	
	Loa, âm ly phục vụ tập erobic	Cái	02	
	Bóng cao su	Quả	30	
	Đệm nhảy cao: - Đệm nhảy cao loại 2 x 1.6 x 0.2 m (dài x rộng x dày) - Đệm nhảy cao loại 2 x 1.8 x 0.2 m - Đệm nhảy cao loại 2 x 1.6 x 0.4 m - Đệm nhảy cao loại 2 x 1.8 x 0.4 m - Đệm nhảy cao loại 2 x 1.8 x 0.6 m	Cái	20	
	Bàn đạp xuất phát (Tiêu chuẩn thi đấu)	Bộ	06	
	Bộ Cột nhảy cao (Tiêu chuẩn thi đấu)	Bộ	03	
	Đồng hồ bấm giờ	Cái	06	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Cờ lệnh	Bộ	12	
	Đệm mỏng 10cm	Cái	10	
	Xà nhảy cao (Tiêu chuẩn thi đấu)	Cái	06	
	Dây cao su tập bổ trợ	Chiếc	06	
	Lao (Tiêu chuẩn thi đấu)	Cái	12	
	Dải dây băng trắng	cuộn	02	
	Lựu đạn	Quả	25	
	Súng phát lệnh	Cái	01	
	Ghế trọng tài (Sắt)	Cái	04	
8	**Khoa Y học TDTT**			
8.1	*phòng thực hành Giải phẫu*			
	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	01	
	Bộ micro không dây	Bộ	01	
	Hệ thống loa, âm ly	Bộ	01	
	Máy vi tính	Bộ	01	
	Máy phân tích chức năng hô hấp	Chiếc	02	
	Mô hình cấp cứu	Bộ	02	
	Mô hình xương người	Bộ	03	
	Máy đo mạch tự động	Chiếc	05	
	Mô hình cấu tạo da phóng to	Bộ	03	
	Mô hình cấu tạo răng	Bộ	02	
	Mô hình cơ chân	Bộ	03	
	Mô hình cơ tay	Bộ	03	
	Mô hình dùng trong châm cứu	Bộ	02	
	Mô hình gan mật và bàng quang	Bộ	03	
	Mô hình giải phẫu 21 phần	Bộ	03	
	Mô hình khớp xương bả vai	Bộ	04	
	Mô hình khớp xương háng	Bộ	04	
	Mô hình mắt phóng to	Bộ	03	
	Mô hình não	Bộ	03	
	Mô hình người cấp cứu với bộ điều khiển	Bộ	02	
	Mô hình phổi và thanh quản	Bộ	03	
	Mô hình thận phóng to	Bộ	03	
	Mô hình tim	Bộ	03	
	Mô hình xương cao cấp kèm dây chằng	Bộ	03	
	Mô hình xương cột sống	Bộ	03	
	Mô hình xương đầu gối	Bộ	03	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Mô hình xương đốt sống	Bộ	03	
	Mô hình xương khuỷu tay	Bộ	03	
	Cồn y tế 70 độ vệ sinh mô hình 500ml	Chai	10	
	Bông y tế 1000g	Túi	05	
8.2	*Phòng thực hành Y học*			
	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	01	
	Bộ micro không dây	Bộ	01	
	Hệ thống loa, âm ly	Bộ	01	
	Máy vi tính	Bộ	01	
	Mô hình hô hấp nhân tạo ép tim phổi	Bộ	05	
	Máy đo huyết áp điện tử	Bộ	06	
	Mô hình huyệt vị cao 65cm	Chiếc	02	
	Máy đo chức năng hô hấp	Chiếc	01	
	Máy đếm nhịp tim, nhịp mạch	Chiếc	01	
	Giường kéo giãn cột sống bằng tạ kéo lưng kéo giãn cổ	Chiếc	02	
	Giường masage dùng cho châm cứu, xoa bóp bấm huyệt	Chiếc	04	
	Bộ nẹp gỗ y tế (01 nẹp cổ + 02 nẹp cánh tay + 02 nẹp cẳng tay + 02 nẹp cẳng chân + 02 nẹp đùi)	Bộ	05	
	Máy điện xung trị liệu	Bộ	02	
	Máy châm cứu điện châm	Chiếc	01	
	Máy siêu âm trị liệu - Máy trị liệu đa năng	Chiếc	01	
	Máy đánh giá các chỉ số sinh lí	Cái	01	
	Thiết bị đo phản xạ toàn thân	Chiếc	02	
	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số	Chiếc	02	
	thiết bị phục hồi chấn thương bằng xoa bóp điện từ	Chiếc	03	
	Bộ thước nhân trắc	Bộ	02	
	Thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động	Chiếc	03	
	Máy điện tim	Chiếc	02	
	Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động	Chiếc	02	
	Máy đo tầm hoạt động khớp	Chiếc	02	
	Bộ dụng cụ đo độ dây da	Bộ	02	
	Bộ lực kế lưng	Bộ	02	
	Bộ lực kế tay	Bộ	02	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Kính hiển vi phóng 1000-1500 lần	Chiếc	05	
	Máy sinh hoá bán tự động	Chiếc	02	
	Bông y tế 1000g	Túi	10	
	Băng cuộn y tế 5cm×200cm	Bịch	50	
	Băng cuộn y tế 10cm×200cm	Bịch	50	
	Băng cuộn y tế 15cm×200cm	Bịch	50	
	Băng tam giác (80cm×80cm)/2	Cái	20	
	Gạc thấm nước	Bịch	50	
	Băng chun vải cố định (10cm×550cm)	Cuộn	30	
	Cồn y tế 70 độ vệ sinh mô hình 500ml	Chai	10	
8.3	*Phòng thực hành Sinh hóa*			
	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	01	
	Bộ micro không dây	Bộ	01	
	Hệ thống loa, âm ly	Bộ	01	
	Máy vi tính	Bộ	01	
9	**Trung tâm NN-TH (4 phòng: 2 phòng NN, 2 phòng Tin học)**			
	Bộ máy vi tính	Bộ	150	
	Lưu điện	Cái	04	
	Bàn ghế vi tính	Cái	150	
	Bảng tương tác	Bộ	04	
	Máy tính giáo viên	Bộ	04	
	Bàn ghế giáo viên	Bộ	04	
10	**Trung tâm QPAN**			
	Máy photocopy	Cái	01	
	Tủ sắt có khóa số	Cái	01	
	Máy in chứng chỉ	Cái	02	
10.1	*Phòng học lý thuyết (18 phòng trong đó: 6 phòng nhỏ diện tích 80 m^2, 12 phòng to diện tích 160 m^2)*			
	Bàn ghế học viên (bộ bàn ghế 4 chỗ) (Phòng to: 40 bộ/phòng. Phòng nhỏ: 20 bộ/phòng)	Bộ	600	
	Bàn ghế giảng viên	Bộ	18	
	Bảng treo tường	Cái	18	
	Máy chiếu hoặc Tivi led	Bộ	18	
	Âm ly, loa, mic	Bộ	18	
	Hệ thống đèn chiếu sáng	hệ thống	18	
	Quạt treo tường (Phòng to: 9. Phòng nhỏ: 6)	Cái	144	
	Máy vi tính	Bộ	18	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10.2	*Phòng máy tính phục vụ học và thi*			
	Bàn ghế vi tính	Bộ	150	
	Bàn ghế giảng viên	Bộ	01	
	Bảng treo tường	Cái	01	
	Máy chiếu	Cái	01	
	Âm ly, loa, mic	Bộ	01	
	Máy vi tính	Cái	150	
10.3	*Phòng Hồ Chí Minh*			
	Bảng treo khẩu hiểu" Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm"	Cái	01	
	Phông nhung xếp song	Cái	01	
	Cờ xếp màu đỏ	Cái	01	
	Ảnh sao vàng	Cái	01	
	Ảnh búa liềm	Cái	01	
	Tượng Bác Hồ	Cái	01	
	Bục để tượng bác	Cái	01	
	Đài hoa sen	Cái	01	
	Ảnh Logo đơn vị	Cái	01	
	Tivi led (dùng để chiếu phim tư liệu về Bác)	Cái	01	
	Âm ly loa đài	Cái	01	
	Kệ tivi	Cái	01	
	Khẩu hiệu 2 bên phông	Cái	02	
	Bàn đọc sách	Cái	10	
	Ghê gỗ	Cái	30	
	Mảng ảnh "Chủ tịch Hô chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tê, danh nhân văn hóa thế giới"	Cái	01	
	Bản đồ Thế giới	Cái	01	
	Mảng ảnh "Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiên đại"	Cái	01	
	Mảng ảnh (Tuổi trẻ quân đội phấn đấu xứng danh bộ đội Cụ Hồ"	Cái	01	
	Mảng ảnh "Đơn vị của Chúng tôi"	Cái	01	
	Tủ để sách, báo	Cái	02	
	Khung trưng bày cờ, bằng khen của đơn vị	Cái	02	
10.4	*Phòng truyền thống*			

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Tủ gỗ trưng bày có kính	Cái	6	
	Kệ/tủ gỗ đựng tài liệu	Cái	1	
	Sa bàn	Cái	4	
	Máy hút ẩm	Cái	1	
	Máy chiếu	Cái	1	
	Máy vi tính cấu hình cao lưu trữ hình ảnh, thông tin truyền thống, trình chiếu	Bộ	1	
10.5	*Phòng học chuyên dùng khoa chính trị*			
	Hệ thống sơ đồ chiến dịch 04 sơ đồ: Điện Biên phủ, Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.	Hệ thống	01	
	Sơ đồ các lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam	Hệ thống	01	
	Bảng các Tổng bí thư ĐCSVN qua các thời kỳ	Bảng	01	
	Hệ thống khẩu hiệu: + Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh! + Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân! + Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên! + Phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa! + Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc! + Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh!	Hệ thống	01	
10.6	*Thiết bị phục vụ huấn luyện*			
	Máy bắn tập	Bộ	5	
	Bia số 4	Chiếc	30	
	Bia số 7	Chiếc	10	
	Bia số 8	Chiếc	10	
	Bia số 6	Chiếc	15	
	Bia chỉ đỏ	Chiếc	40	
	Bia ngắm trúng, trụ	Chiếc	40	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Bảng các tuyến bắn	Bộ	10	
	Tranh dạy bắn súng	Bộ	10	
	Tranh dạy ném lựu đạn	Bộ	10	
	Tranh dạy 3 môn quân sự phối hợp	Bộ	10	
	Cờ chiến thuật	Bộ	10	
	Cờ ném lựu đạn (Trắng, đỏ)	Chiếc	200	
	Bệ bắn súng, bao cát	Chiếc	40	
	Giá treo tranh	Chiếc	5	
11	**Khoa Võ Bơi Cờ**			
	Thảm tập võ	Bộ	01	
	Áo giáp	Cái	20	
	Bảng chấm điện tử môn Taekwondo	Bộ	02	
	Lăm pơ đôi	Đôi	40	
	Bao đá	Cái	08	
12	**Trung tâm hỗ trợ đào tạo và bồi dưỡng**			
	Loa di động	Cái	02	
	Bàn mixer	Cái	02	
	Micro	Cái	04	
	Đàn piano	Cái	01	
	Loa di động công suất cao	Cái	02	
13	**Viện nghiên cứu GDTC**			
13.1	*Trạm y tế*			
	Máy đo đường huyết cá nhân	Cái	02	
	Huyết áp kế	Cái	02	
	Bàn khám bệnh	Cái	01	
	Đèn khám bệnh	Cái	01	
	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Cái	01	
	Bộ khám ngũ quan	Bộ	01	
	Đèn khám treo trán (đèn clar)	Cái	01	
	Bảng thử thị lực	Cái	01	
	Máy khí dung	Cái	01	
	Máy hút điện	Cái	01	
	Bình ô xy, bộ làm ẩm có đồng hồ, Mask thở ô xy	Cái	01	
	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	Bộ	01	
	Bộ nẹp chân, nẹp tay	Bộ	05	
	Bộ nẹp cổ	Bộ	02	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Cáng tay	Bộ	01	
	Xe tiêm	Cái	01	
	Bàn tiểu phẫu	Cái	01	
	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Cái	01	
	Giá treo dịch truyền	Cái	01	
	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	01	
	Bộ mở khí quản cho người lớn	Bộ	01	
	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	Cái	01	
	Máy điện châm	Cái	01	
	Đèn hồng ngoại điều trị	Cái	01	
	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Cái	01	
	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	
	Tủ sấy	Cái	01	
	Máy điện tim một kênh	Cái	01	
	Bộ dụng cụ thử nước tiểu(định tính)	Cái	01	
	Kính hiển vi	Cái	01	
	Máy siêu âm (Trạm y tế có bác sỹ)	Cái	01	
	Máy XQ	Cái	01	
	Giường bệnh	Cái	03	
	Tủ đầu giường bệnh	Cái	02	
	Quạt cây	Cái	01	
	Bình nóng lạnh	Cái	01	
	Tivi	Cái	01	
	Giường trực nhân viên	Cái	01	